

Số: *23* /2017/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *15* tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ; thẩm quyền phê duyệt trong lựa chọn nhà thầu để mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XI, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 3 quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2226/TTr-STC ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo số 180/STP-XDVB ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ; thẩm quyền phê duyệt trong lựa chọn nhà thầu để mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *la*

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH.

Hadv/T8.QĐ01/70b *la*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Hồng Bắc**

**QUY ĐỊNH**

**Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ; thẩm quyền phê duyệt trong lựa chọn nhà thầu để mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tỉnh Thái Nguyên**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ; thẩm quyền phê duyệt trong lựa chọn nhà thầu để mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị bao gồm: Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ công lập khi sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này để mua sắm hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên.

**Điều 3. Nội dung mua sắm, nguồn kinh phí mua sắm**

**1. Nội dung mua sắm, gồm:**

a) Nguyên nhiên liệu, xăng dầu, hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro, vật tư, vật liệu tiêu hao, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên.

b) Trang phục ngành, trang phục phục vụ hoạt động đặc thù của ngành, lĩnh vực theo quy định (như: quần áo bác sỹ, y tá, quần áo bệnh nhân, các loại trang phục đặc thù của ngành nghề khác), bảo hộ lao động (gồm cả mua sắm vật liệu, mẫu thiết kế và công may).

c) Các sản phẩm công nghệ thông tin gồm: Phụ kiện và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin khác, bao gồm cả lắp đặt, chạy thử, bảo hành (nếu có) thuộc dự án công nghệ thông tin sử dụng vốn sự nghiệp theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Sản phẩm in, tài liệu, biểu mẫu, ấn phẩm, ấn chỉ, tem; văn hóa phẩm, sách, tài liệu, phim ảnh và các sản phẩm, dịch vụ để tuyên truyền, quảng bá và phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ.

d) Dịch vụ phi tư vấn bao gồm: Dịch vụ thuê ô tô phục vụ công tác, vệ sinh công nghiệp; dịch vụ xử lý chất thải; dịch vụ chăm sóc vườn hoa, cây cảnh; dịch vụ thuê đường truyền dẫn; dịch vụ duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ thẩm định giá (nếu có); dịch vụ cung cấp điện, nước, điện thoại cố định; dịch vụ đào tạo, tập huấn, tổ chức hội nghị, hội thảo và các dịch vụ phi tư vấn khác.

e) Dịch vụ tư vấn bao gồm: Tư vấn lựa chọn công nghệ, tư vấn để lập, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu và các dịch vụ tư vấn khác trong mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

g) Bản quyền sở hữu công nghiệp, sở hữu trí tuệ (nếu có).

h) Các loại hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn khác được mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Các loại hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn nêu trên, sau đây gọi chung là hàng hóa, dịch vụ.

2. Nguồn kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, gồm:

a) Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị (bao gồm cả nguồn bổ sung trong năm).

b) Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia trong trường hợp thực hiện theo hình thức không hình thành dự án đầu tư.

c) Vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh, vốn khác do nhà nước quản lý (nếu có).

d) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Vay nợ, viện trợ không hoàn lại được cân đối trong chi thường xuyên ngân sách nhà nước; nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước thuộc ngân sách nhà nước (trừ trường hợp Điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác).

đ) Nguồn thu từ phí, lệ phí được sử dụng theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

e) Nguồn kinh phí từ thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập.

g) Nguồn Quỹ Bảo hiểm y tế.

h) Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

3. Quy định này không áp dụng đối với các trường hợp:

a) Mua sắm vật tư thuộc dự án đầu tư.

b) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ cho quốc phòng, an ninh.

c) Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng thuộc Danh Mục mua sắm tập trung cấp quốc gia và Danh Mục mua sắm tập trung của Bộ, ngành, địa phương thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn.

d) Các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 20 triệu đồng.

## **Chương II**

### **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ; THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH**

#### **Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán kinh phí mua sắm từ 1.000.000.000 đồng trở lên trên một đơn vị hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm nhiều hàng hóa, dịch vụ mà trong đó có 1 hàng hóa, dịch vụ có dự toán kinh phí mua sắm từ 1.000.000.000 đồng trở lên của các cơ quan, đơn vị, tổ chức.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, đoàn thể, cơ quan thuộc tỉnh, trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được cơ quan có thẩm quyền giao (bao gồm cả nguồn bổ sung trong năm):

- Quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán kinh phí mua sắm từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng trên một đơn vị hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm nhiều hàng hóa, dịch vụ mà trong đó có 1 hàng hóa, dịch vụ có dự toán kinh phí mua sắm từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trực thuộc cấp mình quản lý.

- Quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán kinh phí mua sắm dưới 1.000.000.000 đồng trên một đơn vị hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm nhiều hàng hóa, dịch vụ mà trong đó có 1 hàng hóa, dịch vụ có dự toán kinh phí mua sắm dưới 1.000.000.000 đồng của đơn vị mình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được cơ quan có thẩm quyền giao (bao gồm cả nguồn bổ sung trong năm) quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nội dung, danh mục dự toán mua sắm có giá trị từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng trên một đơn vị hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm nhiều hàng hóa, dịch vụ mà trong đó có 1 hàng hóa, dịch vụ có dự toán mua sắm giá trị từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp mình quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành:

Trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được cơ quan có thẩm quyền giao (bao gồm cả nguồn bổ sung trong năm) quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có dự toán mua sắm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng trên một đơn vị hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm nhiều hàng hóa, dịch vụ mà trong đó có 1 hàng hóa, dịch vụ có dự toán mua sắm giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

5. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

Trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được cơ quan có thẩm quyền giao (bao gồm cả nguồn bổ sung trong năm) quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có dự toán mua sắm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng trên một đơn vị hàng hóa, dịch vụ hoặc mua sắm nhiều hàng hóa, dịch vụ mà trong đó có 1 hàng hóa, dịch vụ có dự toán mua sắm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

**Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

b) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng nguồn vốn mua sắm thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ của đơn vị mình.

**Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu**

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng nguồn vốn mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, đơn vị mình hoặc cơ quan, tổ chức được người có thẩm quyền quyết định lựa chọn làm bên mời thầu thực hiện phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu.

## **Điều 7. Trách nhiệm thẩm định trong lựa chọn nhà thầu**

### **1. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

a) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ trừ gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất.

- Sở Y tế chịu trách nhiệm chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm vật tư y tế, hoá chất.

b) Đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định cơ quan, tổ chức, bộ phận làm nhiệm vụ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

c) Đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ.

d) Đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thủ trưởng các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cơ quan, tổ chức, bộ phận làm nhiệm vụ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

### **2. Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu:**

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng nguồn vốn mua sắm, hàng hóa, dịch vụ quyết định cơ quan, tổ chức, bộ phận làm nhiệm vụ thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc cơ quan, tổ chức được người có thẩm quyền quyết định lựa chọn làm bên mời thầu quyết định cơ quan, tổ chức, bộ phận làm nhiệm vụ thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu

## **Điều 8. Các trường hợp được áp dụng chỉ định thầu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

### **1. Các gói thầu quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu, gồm:**

a) Gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố bất khả kháng; gói thầu cần thực hiện để bảo đảm bí mật nhà nước; gói thầu cần triển khai ngay để tránh gây nguy hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của cộng đồng dân cư trên địa bàn; gói thầu mua hóa chất, vật tư, thiết bị y tế để triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh trong trường hợp cấp bách.

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do phải bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm; mua bản quyền sở hữu trí tuệ.

c) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của thiết kế kiến trúc công trình trúng tuyển hoặc được tuyển chọn khi tác giả có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

2. Gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc đề án hoặc dự toán mua sắm thường xuyên có giá gói thầu không quá 100.000.000 đồng.

3. Việc thực hiện chỉ định thầu đối với gói thầu quy định tại Điểm b, Điểm c, Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.

b) Có thời gian thực hiện chỉ định thầu kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu đến ngày ký kết hợp đồng không quá 45 ngày; trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày.

c) Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu phải có tên trong cơ sở dữ liệu về nhà thầu theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (trừ gói thầu quy định tại Khoản 2 Điều này).

### **Điều 9. Thu, chi trong hoạt động lựa chọn nhà thầu**

1. Nội dung chi phí trong hoạt động lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

a) Chi thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, tổ chức đấu thầu.

b) Chi đăng tin mời thầu (nếu có).

c) Chi thuê thẩm định (nếu có).

d) Chi cho hoạt động của tổ chuyên gia.

đ) Chi cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu (nếu có).

e) Các nội dung chi khác phục vụ cho lựa chọn nhà thầu.

2. Mức chi:

a) Chi thuê thẩm định:

Theo hợp đồng thực tế được ký kết dựa trên các nội dung và phạm vi công việc, thời gian thực hiện, năng lực kinh nghiệm của chuyên gia và các yếu tố khác; chi đăng tải thông tin về đấu thầu, chi phí tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Chi hợp tổ chuyên gia, hợp thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hợp thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, hợp hội đồng tư vấn:

- Trường hợp thuê tư vấn: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Mục 4, Chương I Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

- Trường hợp tự thực hiện:

Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi tối đa (đồng)
Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	400.000
Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	300.000
Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200.000
Đại biểu mời tham dự	Nhiệm vụ	100.000

Mức chi quy định tại biểu trên là mức chi tối đa, tùy từng gói thầu cụ thể và dự toán chi phí đã được thẩm định, chủ đầu tư quyết định mức chi cho phù hợp.

c) Đối với các nội dung chi không có mức chi cụ thể được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Bên mời thầu được phép chi tiêu theo thực tế phát sinh, bảo đảm hợp lý, hợp lệ trên cơ sở tuân thủ chế độ hóa đơn, chứng từ và chịu trách nhiệm về việc chi tiêu của mình;

d) Cán bộ, công chức, viên chức khi làm thêm giờ để thực hiện nhiệm vụ liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

3. Nội dung thu: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

a) Thu từ việc bán hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu: Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, cơ quan, đơn vị mời thầu quyết định mức giá bán một bộ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (bao gồm cả thuế) đối với đấu thầu trong nước nhưng tối đa là 2.000.000 đồng đối với hồ sơ mời thầu và 1.000.000 đồng đối với hồ sơ yêu cầu; đối với đấu thầu quốc tế, mức giá bán theo thông lệ đấu thầu quốc tế.

b) Trường hợp nhà thầu có kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu thì cơ quan, đơn vị mời thầu được phép thu của nhà thầu để bảo đảm chi phí cho việc xem xét giải quyết xử lý kiến nghị đó. Mức thu bằng 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.

c) Các khoản thu về bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Đấu thầu, các khoản thu về bảo đảm thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 66 Luật Đấu thầu.

4. Biên lai: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

Sử dụng biên lai thu tiền (Mẫu C38-BB) theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp.

5. Hạch toán: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

Do khoản thu từ hoạt động đấu thầu không thuộc ngân sách nhà nước nên không hạch toán vào ngân sách nhà nước; các cơ quan, đơn vị phản ánh khoản thu, chi từ hoạt động đấu thầu vào nguồn thu khác và tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm của cơ quan, đơn vị.

6. Nguồn kinh phí bảo đảm cho quá trình đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

Cơ quan, đơn vị khi tổ chức mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ được sử dụng nguồn kinh phí quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều này để chi phí cho quá trình đấu thầu, giải quyết các kiến nghị của nhà thầu. Trường hợp nguồn kinh phí nêu trên không đảm bảo để chi cho quá trình đấu thầu thì cơ quan, đơn vị được phép sử dụng nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị mình để bù đắp; trường hợp còn dư, được bổ sung vào kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị.

### **Điều 10. Giá gói thầu trong nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

Khi lập và xác định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần căn cứ vào ít nhất một trong các tài liệu sau:

1. Giá hàng hóa cần mua của ít nhất 3 đơn vị cung cấp hàng hóa khác nhau trên địa bàn để làm căn cứ xác định giá gói thầu; trong trường hợp không đủ 03 đơn vị trên địa bàn có thể tham khảo trên địa bàn khác đảm bảo đủ 03 báo giá.

2. Dự toán mua sắm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (gồm: chủng loại hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá hoặc toàn bộ dự toán được bố trí để mua sắm một loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ trong năm).

3. Kết quả thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá tài sản, doanh nghiệp thẩm định giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ phải thẩm định giá theo quy định của Luật Giá.

4. Giá thị trường tại thời điểm mua sắm được tham khảo từ thông tin chính thống do các nhà cung cấp theo quy định của pháp luật Việt Nam công bố được khai thác qua mạng Internet.

5. Giá của gói thầu mua sắm loại hàng hóa tương tự trong thời gian trước đó gần nhất, tối đa không quá 30 ngày.

**Chương III**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện lựa chọn nhà thầu trong mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật về đấu thầu có liên quan.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.



Vũ Hồng Bắc

